



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ International Auditing Company

CÔNG BÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG QUẢN ĐỐC	2-3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
HÀNG DẪN DỜI KẾ TOÁN	5-6
PHỤ LỤC KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO CHI PHÍ CHUYỂN TIẾP	8
THUẾ TRỊNH-ĐẾ CẠO TẠI QUẢNG BÌNH	9-24

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

M.S.C

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 24

1. Báo cáo của Tổng Giám đốc

1.1. Báo cáo ngắn gọn

1.1.1. Về Tình hình Tài chính

1.1.2. Về Công nợ phải thu

1.1.3. Về Công nợ phải trả

1.1.4. Về Công nợ tài trợ

1.2. Báo cáo chi tiết theo pháp luật

Ngay hôm nay, ngày 05 tháng 01 năm 2024, tôi, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Hạ Long, xin báo cáo như sau:

1.3. Báo cáo của Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Hạ Long là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và phân phối nước giải khát. Công ty đã được thành lập vào ngày 15 tháng 01 năm 2024, với vốn điều lệ là 100 tỷ đồng. Công ty đã hoạt động trong lĩnh vực này từ ngày 15 tháng 01 năm 2024. Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể trong năm 2023, đặc biệt là về doanh thu và lợi nhuận. Công ty đã đạt được doanh thu tổng cộng là 100 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 10 tỷ đồng. Công ty đã duy trì được vị thế cạnh tranh vững chắc trên thị trường nước giải khát.

- 1.3.1. Tình hình tài chính: Công ty đã duy trì được tình hình tài chính ổn định và lành mạnh. Tổng tài sản của Công ty là 100 tỷ đồng, trong đó có 50 tỷ đồng là tài sản cố định và 50 tỷ đồng là tài sản lưu động. Công ty đã duy trì được mức độ thanh khoản cao, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ và đầu tư phát triển.
- 1.3.2. Công nợ phải thu: Công ty đã duy trì được mức độ công nợ phải thu thấp, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và đầu tư phát triển.
- 1.3.3. Công nợ phải trả: Công ty đã duy trì được mức độ công nợ phải trả thấp, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và đầu tư phát triển.
- 1.3.4. Công nợ tài trợ: Công ty đã duy trì được mức độ công nợ tài trợ thấp, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ và đầu tư phát triển.

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước Giải Khát Hạ Long xin báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2023. Công ty đã đạt được những thành tựu đáng kể trong năm 2023, đặc biệt là về doanh thu và lợi nhuận. Công ty đã duy trì được vị thế cạnh tranh vững chắc trên thị trường nước giải khát. Công ty đã đạt được doanh thu tổng cộng là 100 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 10 tỷ đồng. Công ty đã duy trì được mức độ thanh khoản cao, đảm bảo khả năng chi trả các khoản nợ và đầu tư phát triển.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG

Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

- | | |
|--------------------------|------------------------------------------------------|
| 1. Ông Shunjiro Suga | Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023) |
| 2. Ông Doãn Văn Quang | Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2023) |
| 3. Ông Daisuke Komoto | Ủy viên |
| 4. Ông Doãn Trường Giang | Ủy viên |
| 5. Ông Vũ Tế Vị | Ủy viên |
| 6. Ông Nguyễn Quang Dũng | Ủy viên ((Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023) |

Tổng Giám đốc

- | | |
|--------------------------|---------------|
| 1. Ông Doãn Trường Giang | Tổng Giám đốc |
|--------------------------|---------------|

Ban Kiểm soát

- | | |
|---------------------------|---------------------------------------------------|
| 1. Bà Trần Thị Thu Hương | Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023) |
| 2. Ông Phạm Minh Hưng | Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 08 tháng 09 năm 2023) |
| 3. Bà Nguyễn Thị Kim Loan | Thành viên |
| 4. Bà Nguyễn Thị Trục | Thành viên |

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Doãn Trường Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập các báo cáo tài chính riêng này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Số: 032504/2024/BCKT-iCPA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 24 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2023-072-01
Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Huy Hùng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2335-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		365.085.329.780	269.718.164.296
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	220.750.069.313	159.862.639.977
1. Tiền	111	V.1a	129.300.765.295	14.056.426.369
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.1b	91.449.304.018	145.806.213.608
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		92.200.000.000	90.744.930.436
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	92.200.000.000	90.744.930.436
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.164.858.554	16.215.182.849
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41.007.182	1.652.172.938
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.475.753.921	8.305.599.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	46.607.040.800	6.216.354.260
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.4b	41.056.651	41.056.651
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	3.720.614.088	2.750.059.237
1. Hàng tồn kho	141	V.8	3.720.614.088	2.750.059.237
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		249.787.825	145.351.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	249.787.825	112.808.680
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	-	32.543.117
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		156.022.416.458	162.666.642.564
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		104.903.539.448	109.903.539.448
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5	75.600.000.000	80.600.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	29.303.539.448	29.303.539.448
II. Tài sản cố định	220		20.992.221.851	22.732.762.884
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.922.872.352	21.898.103.387
- Nguyên giá	222		59.439.078.285	57.660.798.285
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(42.516.205.933)	(35.762.694.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	4.069.349.499	834.659.497
- Nguyên giá	228		5.201.480.000	1.308.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.132.130.501)	(473.340.503)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	389.348.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	389.348.000
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		19.800.000.000	19.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	19.800.000.000	19.800.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		10.326.655.159	9.840.992.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	10.326.655.159	9.840.992.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		521.107.746.238	432.384.806.860

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		110.831.731.671	84.334.602.214
I. Nợ ngắn hạn	310		82.892.348.665	56.749.012.539
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	23.736.590.360	5.441.718.876
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	194.178.736	790.455.237
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	30.628.064.623	28.057.505.977
4. Phải trả người lao động	314		16.940.801.487	12.401.821.660
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	6.276.946.461	5.814.436.214
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	4.931.744.438	3.587.523.935
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		184.022.560	655.550.640
II. Nợ dài hạn	330		27.939.383.006	27.585.589.675
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	27.939.383.006	27.585.589.675
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		410.276.014.567	348.050.204.646
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	410.276.014.567	348.050.204.646
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.900.000.000	30.900.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.537.064.160	19.537.064.160
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		141.478.070.782	141.478.070.782
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		218.360.879.625	156.135.069.704
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		109.785.069.704	48.055.427.568
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		108.575.809.921	108.079.642.136
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		521.107.746.238	432.384.806.860

Đào Thị Xuyên
Người lập biểu

Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng



Đoàn Trọng Giang
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.465.631.579.312	1.365.233.264.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	10.763.648	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.465.620.815.664	1.365.233.264.367
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.200.382.032.936	1.117.646.814.684
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		265.238.782.728	247.586.449.683
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.529.242.593	11.814.686.436
7. Chi phí tài chính	22		211.287.671	335.391.096
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		211.287.671	335.391.096
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	120.122.097.062	105.864.307.933
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	20.987.592.224	18.620.425.355
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		136.447.048.364	134.581.011.735
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.042.947.954	924.765.698
12. Chi phí khác	32	VI.7	2.860.038.434	728.222.668
13. Lợi nhuận khác	40		(817.090.480)	196.543.030
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		135.629.957.884	134.777.554.765
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.8	27.054.147.963	26.697.912.629
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		108.575.809.921	108.079.642.136



Đào Thị Xuyên
Người lập biểu



Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng



Đoàn Trường Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

Đào Thị Xuyên
Người lập biểu


Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng


Đoàn Trường Giang
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	135.629.957.884	134.777.554.765
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	7.412.301.033	7.252.488.749
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(12.529.242.593)	(11.915.595.527)
Chi phí lãi vay	06	211.287.671	335.391.096
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD	08	130.724.303.995	130.449.839.083
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(31.366.153.995)	50.175.340.606
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(970.554.851)	905.879.980
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	25.823.017.096	(55.228.911.622)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(622.642.072)	4.296.689.906
Tiền lãi vay đã trả	14	(211.287.671)	(335.391.096)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(26.687.203.522)	(20.075.060.999)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(471.528.080)	(122.400.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	96.217.950.900	110.065.985.858
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(4.503.716.000)	(6.920.424.414)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	100.909.091
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(182.800.000.000)	(261.237.806.077)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	186.344.930.436	243.434.930.436
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.978.264.000	11.517.908.377
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.019.478.436	(13.104.482.587)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	24.000.000.000	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(24.000.000.000)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(46.350.000.000)	(31.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(46.350.000.000)	(31.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	60.887.429.336	65.061.503.271
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	159.862.639.977	94.801.136.706
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	220.750.069.313	159.862.639.977


Đào Thị Xuyên
Người lập biểu


Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng



Đoàn Trường Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Hạ Long được thành lập theo Quyết định số 71/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5700433939 cấp lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2003. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 24 tháng 05 năm 2022 vốn điều lệ của Công ty là 30.900.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 3.090.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là: Kinh doanh thương mại mặt hàng nước giải khát có cồn và không có cồn (Bia, rượu và các loại nước giải khát khác).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ lợi ích %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty con					
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai	Quảng Ninh	99%	99%	99%	Sản xuất bia và nước giải khát

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

7. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 489 người (tại 31 tháng 12 năm 2022 là 391 người).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN TOÁN ÁP DỤNG

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do nhà thầu thực hiện là giá trị quyết toán cuối cùng của công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp và chi phí đăng ký, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 35
Máy móc thiết bị	07 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	645.768.867	3.555.096.892
Tiền gửi ngân hàng	128.654.996.428	10.501.329.477
Các khoản tương đương tiền (i)	91.449.304.018	145.806.213.608
Cộng	220.750.069.313	159.862.639.977

(i) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đến 3 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất tiền gửi từ 3,75%/năm đến 5,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

2. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	92.200.000.000	90.744.930.436
Cộng	92.200.000.000	90.744.930.436

(i) Gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,2%/năm đến 8%/năm.

3. PHẢI THU KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lê Tuấn Phong	11.517.986	10.823.255
Ngô Thị Hương	6.750.305	781.119.987
Tạ Hữu Bản	-	441.340.890
Các khoản phải thu khách hàng khác	22.738.891	418.888.806
Cộng	41.007.182	1.652.172.938

4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và truyền thông Biển Xanh	258.557.600	-
Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ và môi trường	170.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Công nghiệp Việt Nam	165.000.000	165.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và kỹ thuật Đoàn Gia	165.000.000	-
Công ty TNHH Goldbell Equipment (Việt Nam)	155.520.000	-
Công ty Cổ phần Bia và NGK Đông Mai	-	7.500.375.000
Trả trước cho người bán khác	561.676.321	640.224.000
Cộng	1.475.753.921	8.305.599.000

Trong đó: Trả trước người bán là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

5. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai (i)	75.600.000.000	80.600.000.000
Cộng	75.600.000.000	80.600.000.000

Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan
(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)

(i) Gồm các Hợp đồng cho vay trong năm 2020 và năm 2021 với Công ty cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai, thời gian cho vay là 10 năm, với lãi suất 0%/năm, mục đích cho vay để đầu tư nâng cấp, hoàn thiện nhà máy sản xuất Bia.

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONGSố 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh**Mẫu số B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**6. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Ký cược, ký quỹ	43.305.653.345	686.118.885
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	43.100.244.765	686.118.885
- Các khoản khác	205.408.580	-
Tạm ứng	691.331.620	1.375.787.017
Dự thu lãi ngân hàng	1.389.743.872	838.765.279
Phải thu khác	1.220.311.963	3.315.683.079
Cộng	46.607.040.800	6.216.354.260
b) Dài hạn		
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	29.303.539.448	29.303.539.448
Cộng	29.303.539.448	29.303.539.448
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	29.303.539.448	29.303.539.448

(i) Gồm các hợp đồng cầm cố tiền gửi tại Ngân hàng để bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ thanh toán L/C phát sinh từ đơn đề nghị phát hành thư tín dụng của Công ty, cụ thể:

- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2023/2307948/HĐBĐ ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 40.806.000.000 đồng, lãi suất 6%/năm, kỳ hạn 03 tháng. Tại ngày 31/12/2023, giá trị của tài sản cầm cố là 42.942.430.542 đồng.
- Hợp đồng cầm cố tiền gửi số 01/2017/479127/HĐBĐ ngày 30 tháng 06 năm 2017, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hạ Long, về việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, số tiền 120.000.000 đồng, lãi suất 4,8%/năm, kỳ hạn 03 tháng. Tại ngày 31/12/2023, giá trị của tài sản cầm cố là 157.814.223 đồng.

7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước khác	249.787.825	112.808.680
Cộng	249.787.825	112.808.680
b) Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	9.657.394.376	9.748.051.557
Chi phí trả trước khác	669.260.783	92.940.675
Cộng	10.326.655.159	9.840.992.232

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	869.019.651	-	1.412.016.933	-
Công cụ, dụng cụ	2.835.048.853	-	1.303.899.198	-
Hàng hóa	16.545.584	-	34.143.106	-
Cộng	3.720.614.088	-	2.750.059.237	-

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	5.428.783.748	2.397.000.560	49.481.667.529	353.346.448	57.660.798.285
Mua trong năm	-	-	1.778.280.000	-	1.778.280.000
Số dư cuối năm	5.428.783.748	2.397.000.560	51.259.947.529	353.346.448	59.439.078.285
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	1.941.235.367	1.445.319.828	32.074.421.044	301.718.659	35.762.694.898
Khấu hao trong năm	881.192.616	189.435.986	5.658.482.437	24.399.996	6.753.511.035
Số dư cuối năm	2.822.427.983	1.634.755.814	37.732.903.481	326.118.655	42.516.205.933
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.487.548.381	951.680.732	17.407.246.485	51.627.789	21.898.103.387
Tại ngày cuối năm	2.606.355.765	762.244.746	13.527.044.048	27.227.793	16.922.872.352

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.577.605.075 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 14.300.719.942 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA VÀ NƯỚC GIẢI KHÁT HẠ LONG
Số 130, đường Lê Lợi, phường Yết Kiêu,
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Mẫu số B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực thu, bù trừ trong năm		Số cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải thu								
Thuế giá trị gia tăng	25.085.942	-	-	-	25.085.942	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	7.457.175	-	-	-	7.457.175	-	-	-
Cộng	32.543.117	-	-	-	32.543.117	-	-	-
b) Các khoản phải trả								
Thuế giá trị gia tăng	-	146.693.997.262	146.693.997.262	143.265.098.198	143.265.098.198	3.428.899.064	3.428.899.064	3.428.899.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	26.687.203.522	27.054.147.963	27.054.147.963	26.687.203.522	26.687.203.522	27.054.147.963	27.054.147.963	27.054.147.963
Thuế thu nhập cá nhân	1.370.302.455	3.277.095.473	3.277.095.473	4.502.380.332	4.502.380.332	145.017.596	145.017.596	145.017.596
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	1.770.263.894	1.770.263.894	1.770.263.894	1.770.263.894	-	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	-
Cộng	28.057.505.977	178.798.504.592	178.798.504.592	176.227.945.946	176.227.945.946	30.628.064.623	30.628.064.623	30.628.064.623

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Phần mềm máv vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	1.308.000.000	1.308.000.000
Mua trong năm	3.893.480.000	3.893.480.000
Số dư cuối năm	5.201.480.000	5.201.480.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư đầu năm	473.340.503	473.340.503
Khấu hao trong năm	658.789.998	658.789.998
Số dư cuối năm	1.132.130.501	1.132.130.501
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu năm	834.659.497	834.659.497
Tại ngày cuối năm	4.069.349.499	4.069.349.499

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Bia và nước giải khát Đông Mai (i)	19.800.000.000	19.800.000.000
Cộng	19.800.000.000	19.800.000.000

- (i) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào công ty con để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí thường cho các đại lý	6.238.459.805	5.706.357.076
Các khoản trích trước khác	38.486.656	108.079.138
Cộng	6.276.946.461	5.814.436.214

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	98.774.120	30.634.500
Bảo hiểm xã hội	52.945.762	-
Bảo hiểm y tế	2.509.830	4.384.251
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.777.514.726	3.552.505.184
Cộng	4.931.744.438	3.587.523.935
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	27.939.383.006	27.585.589.675
Cộng	27.939.383.006	27.585.589.675

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Bia và Nước giải khát Đông Mai	16.086.108.774	16.086.108.774	-	-
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Quảng cáo Thành An	1.655.439.949	1.655.439.949	272.653.312	272.653.312
Công ty TNHH Bao Bi Việt Hưng	1.467.165.096	1.467.165.096	1.882.474.480	1.882.474.480
Công ty TNHH Phần mềm FPT Hồ Chí Minh	778.696.000	778.696.000	-	-
Phải trả nhà cung cấp khác	3.749.180.541	3.749.180.541	3.286.591.084	3.286.591.084
Cộng	23.736.590.360	23.736.590.360	5.441.718.876	5.441.718.876
Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1 - Bên liên quan)	16.086.108.774	16.086.108.774	-	-

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngô Hiếu Công	66.626.797	66.626.797	73.928.232	73.928.232
Tạ Hữu Bản	20.425.140	20.425.140	-	-
Nguyễn Duy Anh	17.634.702	17.634.702	-	-
Phạm Thị Nhung	8.750.067	8.750.067	289.124.985	289.124.985
Mai Duy Tùng	1.750.339	1.750.339	213.500.004	213.500.004
Các đối tượng khác	78.991.691	78.991.691	213.902.016	213.902.016
Cộng	194.178.736	194.178.736	790.455.237	790.455.237

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm trước	30.000.000.000	19.537.064.160		141.478.070.782	80.855.427.568	271.870.562.510			
Tăng vốn trong năm	900.000.000	-		-	(900.000.000)	-			
Lãi trong năm	-	-		-	108.079.642.136	108.079.642.136			
Chia cổ tức	-	-		-	(31.900.000.000)	(31.900.000.000)			
Số dư đầu năm nay	30.900.000.000	19.537.064.160		141.478.070.782	156.135.069.704	348.050.204.646			
Lãi trong năm					108.575.809.921	108.575.809.921			
Chia cổ tức (i)					(46.350.000.000)	(46.350.000.000)			
Số dư cuối năm nay	30.900.000.000	19.537.064.160		141.478.070.782	218.360.879.625	410.276.014.567			

(i) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 234/NQ-DHĐCĐ ngày 25 tháng 04 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Trong đó, chia cổ tức cho cổ đông là 46.350.000.000 đồng;

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.090.000	3.090.000	3.090.000	3.090.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là bia và nước giải khát và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo chuẩn mực này.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.465.631.579.312	1.365.233.264.367
Trong đó:		
- Doanh thu bán bia	1.331.748.037.850	1.237.005.299.777
- Doanh thu vận chuyển bia	133.883.541.462	128.227.964.590
Các khoản giảm trừ doanh thu	10.763.648	-
- Hàng bán bị trả lại	10.763.648	
Cộng	1.465.620.815.664	1.365.233.264.367

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán bia	1.141.211.708.370	1.058.423.097.841
Giá vốn vận chuyển bia	59.170.324.566	59.223.716.843
Cộng	1.200.382.032.936	1.117.646.814.684

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	10.549.242.593	9.868.695.008
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.980.000.000	1.945.991.428
Cộng	12.529.242.593	11.814.686.436

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên bán hàng	40.817.828.627	28.947.641.051
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	8.570.437.310	9.712.534.591
Chi phí khấu hao TSCĐ	637.795.050	139.883.070
Thuế, phí và lệ phí	144.309.376	117.664.670
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.162.832.225	46.681.285.018
Chi phí khác bằng tiền	5.788.894.474	20.265.299.533
Cộng	120.122.097.062	105.864.307.933

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	9.373.048.348	7.635.384.050
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	68.008.673	2.723.104
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.094.057.268	2.145.524.015
Thuê, phí và lệ phí	1.780.721.069	1.780.971.069
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.249.723.394	1.860.472.576
Chi phí bằng tiền khác	5.422.033.472	5.195.350.541
Cộng	20.987.592.224	18.620.425.355

6. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu bồi hoàn tiền đặt cọc vỏ chai	263.439.179	162.547.582
Thanh lý tài sản cố định	-	100.909.091
Thanh lý thiết bị bán hàng	419.464.825	13.981.000
Thu nhập khác	1.360.043.950	647.328.025
Cộng	2.042.947.954	924.765.698

7. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp	1.247.801.929	250.019.806
Chi phí bảo vệ môi trường với nước thải công nghiệp	22.780.304	55.769.593
Các khoản khác	1.589.456.201	422.433.269
Cộng	2.860.038.434	728.222.668

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	135.629.957.884	134.777.554.765
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(359.218.071)	(1.287.991.622)
Các khoản điều chỉnh tăng	1.620.781.929	657.999.806
- Chi phí không hợp lý khi tính thuế	1.620.781.929	657.999.806
Các khoản điều chỉnh giảm	1.980.000.000	1.945.991.428
- Cổ tức lợi nhuận được chia	1.980.000.000	1.945.991.428
Thu nhập chịu thuế	135.270.739.813	133.489.563.143
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	27.054.147.963	26.697.912.629
Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.054.147.963	26.697.912.629

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

9. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.512.012.979	25.034.679.623
Chi phí nhân công	86.033.974.051	71.892.543.883
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.412.301.033	8.220.642.749
Chi phí dịch vụ mua ngoài	68.777.063.381	49.508.222.016
Chi phí khác bằng tiền	14.544.662.408	29.052.361.860
Cộng	200.280.013.852	183.708.450.131

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Ông Shunjiro Suga
Ông Doãn Văn Quang

Ông Doãn Trường Giang
Ông Daisuke Komoto
Ông Vũ Tế Vỹ
Ông Nguyễn Quang Dũng
Bà Trần Thị Thu Hương
Bà Nguyễn Thị Kim Loan
Ông Phạm Minh Hưng

Bà Nguyễn Thị Trục

Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT
Chủ tịch HĐQT (đã
miễn nhiệm)

Tổng giám đốc
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Thành viên HĐQT
Trưởng ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát
Thành viên Ban kiểm soát (đã
miễn nhiệm)
Thành viên Ban kiểm soát

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	1.141.651.662.089	1.058.900.300.003
Cộng	1.141.651.662.089	1.058.900.300.003
Cổ tức nhận được trong năm		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	1.980.000.000	1.945.991.428
Cộng	1.980.000.000	1.945.991.428

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	29.303.539.448	29.303.539.448
Cộng	29.303.539.448	29.303.539.448
Các khoản phải trả người bán		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	16.086.108.774	-
Cộng	16.086.108.774	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	-	7.500.375.000
Cộng	-	7.500.375.000
Phải thu về cho vay		
Công ty CP Bia và Nước giải khát Đông Mai	75.600.000.000	80.600.000.000
Cộng	75.600.000.000	80.600.000.000

Thù lao, phụ cấp của Hội đồng quản trị, thu nhập Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:


	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị		
1. Ông Doãn Văn Quang	596.443.077	899.664.538
2. Ông Shunjiro Suga	546.936.154	70.000.000
3. Ông Vũ Tế Vị	66.000.000	-
4. Ông Nguyễn Quang Dũng	21.000.000	-
5. Ông Trần Văn Thiệu	-	469.365.384
Tổng Giám đốc		
1. Ông Doãn Trường Giang	1.678.657.944	1.045.775.385
Ban kiểm soát		
1. Bà Trần Thị Thu Hương	17.600.000	-
2. Bà Nguyễn Thị Kim Loan	198.001.468	155.545.323
3. Ông Phạm Minh Hưng	305.357.960	320.019.616
4. Bà Nguyễn Thị Trục	12.000.000	12.000.000
Cộng	3.441.996.603	2.972.370.246

2. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính và cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trong Báo cáo tài chính riêng.


Đào Thị Xuyên
Người lập biểu


Đào Thị Xuyên
Kế toán trưởng


Doãn Trường Giang
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 03 năm 2024

